TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **127**/2023/DS-ST
Ngày: 17- 7 - 2023
V/v yêu cầu chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai và ông Phạm Cảm.
- Thư ký phiên tòa*:* Ông Y Kăn Niê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Lễ - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2013 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2021/TLST- DS ngày 05 tháng 7 năm 2021, về "Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2023/QĐXX-DSST ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H , sinh năm 1940.
Địa chỉ: Số 52/119 H, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
Đại diện theo ủy quyền của bà Hài: Ông Đỗ Văn H
Địa chỉ: Số 52/119 H, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt)
Bà Đỗ Thị Hằng N . Địa chỉ: Số 02 Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G , sinh năm 1933
Địa chỉ: Số 52/109/4 H, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị G : Ông Trần Văn B
Địa chỉ: Số 52/117A H, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:
Ông Trần Văn B , sinh năm 1954
Địa chỉ: Số 52/117A H, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bộ: Ông Lê Quang T - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư L
Địa chỉ: Số 166 P, Tp. B, Tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:*
1. Ông Hoàng Văn T , sinh năm 1945
Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông; (Đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Ông Hoàng Văn R , sinh năm 1954

Địa chỉ: Số 50 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

3.Ông Hoàng Văn H , sinh năm 1953

Địa chỉ: Số 105/114 L, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

4. Bà Hoàng Thị K , sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 105/116 L, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

5. Ông Hoàng Văn M , sinh năm 1961

Địa chỉ: Số 105/116 L, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

6. Ông Trần Xuân T, sinh năm 1975; Ông Trần Văn T , sinh năm 1960; Ông Trần Văn P , sinh năm 1972;

Cùng nơi cư trú: Số 52/109/4 H, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

9. Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 105/116 L, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

10. Bà Trần Thị H , sinh năm 1961

Địa chỉ: Số 137 Y Ngông, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

11. Ông Trần Văn N , sinh năm 1930

Địa chỉ: Số 52/109/2 H, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

12. Ông Trần Quang V , sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số 74 Y Ngông (nối dài), phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

13. Ông Trần Quang M , sinh năm 1858

Địa chỉ: Số 129 Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

14. Ông Trần Quang C , sinh năm 1970

15. Bà Trần Thị P , sinh năm 1960

16. Bà Trần Thị M , sinh năm 1962

17. Bà Trần Thị Gi , sinh năm 1964

18. Bà Trần Thị X , sinh năm 1968

19. Ông Trần Quang P , sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: 52/109/2 H , P. T , Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. (Đều vắng mặt)

20. Bà Trần Thị L (đã chết)

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L : Bà Trần Thị H

Địa chỉ: Số 52/119 H, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

21.Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn Â (đã chết)

Bà Trần Thị Y , sinh năm 1973 và Trần Ngọc Hương Q , sinh năm 1998

Địa chỉ: 135 Y , phường T , thành phố B , tỉnh Đắk Lắk.(Đề nghị xét xử vắng mặt)

22. Uỷ ban nhân dân thành phố B

Địa chỉ: Số 01 L , thành phố B , Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn Cvà ông Trần Văn C1

Cùng cư trú: 52/117 H, phường T, Tp.Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bà Bùi Thị T , sinh năm 1966

Địa chỉ: 52/127 H, phường T, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Chị Trần Thị Minh H

Địa chỉ: 52/117A H, P.T, Tp.B , Đắk Lắk. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị L .

Địa chỉ 52/127 H, phường T, thành phố B , Đắk Lắk. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

5.Ông Đỗ Văn Q .

Địa chỉ: Số 52/119 H, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ bà H là ông Trần Văn Đ (sinh năm: 1898, mất năm 1961) và bà Bùi Thị N (sinh năm: 1897, mất năm:1994, đều không có di chúc) lúc sinh thời có tạo lập được khối tài sản chung thửa đất có diện tích khoảng 805,3m^2, tại địa chỉ 537 tổ 1 khối 4, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk, (nay là số 52/117A H, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk) Trong thời kỳ hôn nhân, cha mẹ bà H có sinh được 7 người con, trong đó có hai người mất khi còn nhỏ, chưa có gia đình, còn lại 5 người con có tên sau:

1.Trần Thị C (sinh năm: 1919, mất năm: 2016) theo trích lục khai tử số 52 được UBND phường T, thành phố B cấp ngày 5/8/2016. Bà C có chồng là ông Hoàng Văn L (sinh năm: 1915, chết năm: 2000). Trong thời kỳ hôn nhân, Bà C và ông L có 6 người con chung là: Hoàng Văn T , Hoàng Văn R , Hoàng Văn H , Hoàng Thị K , Hoàng Văn M và Hoàng Văn S.

2. Trần Văn L (sinh năm: 1928, mất năm: 2005) tại phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. Ông L có vợ là bà Nguyễn Thị G , sinh năm 1933, hiện bà G đang cư trú tại địa chỉ: 52/109/4 H, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. Trong thời kỳ hôn nhân, ông L , bà G có 6 người con chung là: Trần Văn B , Trần Văn T , Trần Văn P , Trần Xuân T, Trần Thị H và Trần Văn Â (chết năm 2005), ông Â có vợ là Trần Thị Y , sinh năm 1973 và 01 người con là Trần Ngọc Hương Q , sinh năm 1998.

3. Bà Trần Thị Đ (sinh năm: 1930, mất năm: 2021) theo trích lục khai tử số 146 được UBND phường T, thành phố B cấp ngày 15/3/2021. Bà Đ có chồng là ông Trần Văn N , hiện nay ông N còn sống. Trong thời kỳ hôn nhân, bà Đài, ông N có 8

người con chung là: Trần Quang V ; Trần Quang M ; Trần Quang C ; Trần Quang Pt; Trần Thị P; Trần Thị M; Trần Thị Gi; Trần Thị X .

4. Bà Trần Thị H , sinh năm: 1940 đang sinh sống tại địa chỉ: 52/119 H, phường T, thành phố B , tỉnh Đắk Lắk.

5. Trần Thị L , sinh năm: 1944, không có chồng con và chết năm 2022

Tất cả những người trên khi chết đều không có di chúc, sau khi ông Đ chết các con đều có gia đình và ra ở riêng, chỉ còn bà L (do bà L không lập gia đình) sống chung với mẹ tại căn nhà và thửa đất nêu trên. Khi mẹ bà H còn sống, mẹ bà H và các anh chị em trong gia đình đã thống nhất cho anh trai của bà H là ông Trần Văn L một phần căn nhà và phần đất xây dựng phần căn nhà có diện tích khoảng 80m^2, phần còn lại của căn nhà và phần đất xây dựng phần căn nhà này có diện tích khoảng 70m^2, em bà H là bà L và mẹ sử dụng. Mẹ bà H và các chị em bà H thống nhất sau khi mẹ bà H qua đời thì bà L là người được thừa kế phần căn nhà và phần diện tích đất này. Sau khi mẹ bà H mất, bà L vẫn sử dụng phần nhà đất này từ đó cho đến khi bà L mất, riêng phần căn nhà đã cho ông L , Ông L cho con trai mình là ông B sử dụng cho đến nay.

Vào năm 2014, các hàng thừa kế đã thống nhất để bà L là người đại diện đứng tên đối với thửa đất và tài sản gắn liền với đất do cha mẹ bà L để lại (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT942049 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 6/5/2014 đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 12, diện tích 805,3m^2 do bà L đứng tên đại diện).

Trong gia đình đã họp nhiều lần để phân chia di sản thừa kế do bố mẹ để lại, khi bà L còn sống thì đau bệnh nằm một chỗ nên cần một số tiền để chữa bệnh và ăn uống hàng ngày, tuy nhiên gia đình bà G không đồng ý phân chia nên bà H làm đơn khởi kiện phân chia di sản thừa kế đối với khối tài sản do cha mẹ để lại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 12, diện tích 805,3m^2 ,(diện tích đo đạc thực tế 784,2m^2) do bà L đứng tên đại diện. Đối với tài sản là căn nhà và phần đất gắn liền với căn nhà có diện tích khoảng 150m^2, (ông B sử dụng phần căn nhà và phần đất có diện tích 80m^2, bà L sử dụng phần căn nhà và phần đất có diện tích 70m^2) trước đây đã được tất cả các hàng thừa kế thống nhất chia cho ông B và bà Lụa, bà H đề nghị Tòa án công nhận cho ông B theo hiện trạng thực tế sử dụng không phân chia di sản thừa kế. Hiện nay bà L đã chết thì 70m^2 của bà L chia cho hàng thừa kế theo quy định của pháp luật. Phần bà H được hưởng di sản từ bà L 70m^2 và căn nhà trên đất thì bà H tặng cho lại ông Bộ. Như vậy phần đất còn lại có diện tích 634,2m^2 là di sản thừa kế do ông Đ và bà Nhĩ để lại, bà H đề nghị Toà án chia thừa kế cho các hàng thừa kế theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Trần Văn B thì bà H có ý kiến như sau: Bà L hiện chỉ thay mặt các đồng thừa kế đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc bà L đứng tên đại diện cũng đã được các hàng thừa kế đồng ý. Tài sản thừa kế hiện vẫn thuộc các hàng thừa kế chứ không thuộc cá nhân bà L nên bà H cho rằng việc huỷ Giấy chứng nhận là không cần thiết mà đề nghị Toà án chia di sản thừa kế của ông Đ , bà N như nguyện vọng bà H đã trình bày nêu trên. Toàn bộ diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT942049 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 6/5/2014 đối với

thửa đất số 44, tờ bản đồ số 12, do bà L đứng tên đại diện là của ông Đ , bà N để lại, không có việc ông B mua thêm một phần diện tích đất của bà Hồi, bà La như ông B đã trình bày nên bà H không đồng ý.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị G và đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị G là ông Trần Văn B trình bày:

Bà Nguyễn Thị G là vợ của ông Trần Văn L (đã chết): sinh được 06 người con: Trần Văn B , Trần Thị H , Trần Văn T , Trần Văn Ân (chết), Trần Văn P , Trần Xuân T. Ngoài ra không có người con nào khác. Theo bà G được biết, thửa đất số 44, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại phường T, thành phố B được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 942049 ngày 06 tháng 5 năm 2014. Trên thửa đất có 01 căn nhà của ông Trần Văn B xây năm 2007 và cạnh bên là căn nhà của Bà Trần Thị L do ông Trần Văn L xây cho bà L ở nhưng bà L không ở mà bà L ở với nhà bà Hài. Thửa đất này có nguồn gốc như sau: Diện tích nằm mặt đường hẻm số 52 đường H khoảng 180 m^2 có nguồn gốc từ việc ông Trần Văn B mua lại của bà Trần Thị H (em ruột của cha chồng bà G không có giấy tờ gì) vào năm 1998 với giá 02 lượng vàng; Diện tích chiều rộng khoảng 0.6m dài khoảng 27m bên hồng căn nhà 52/117A H, phường T có nguồn gốc từ việc ông Trần Văn B mua lại của bà Nguyễn Thị L vào năm 2007; Diện tích còn lại là đất của cha mẹ chồng bà G (ông Trần Văn Đ , bà Bùi Thị N) trước khi chết đã để lại cho ba người gồm bà Trần Thị L , Ông Trần Văn L, ông Trần Văn B . Trước khi Trần Văn L chết thì có để lại phần đất của Ông L được hưởng (nói bằng miệng). Bà G không biết vì sao Bà Trần Thị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà đại diện là bà L đứng tên cho bà Hài, Bà C và Bà Đ trong khi thửa đất này có phần ông Trần Văn B nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị H và bà Nguyễn Thị L . Trong hồ sơ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có dấu hiệu của sự giả mạo cụ thể là có chữ ký của các chị và các em chồng bà G trong khi những người này không biết chữ. Ông L đã chết vào năm 2005 không có di chúc.Trường hợp Tòa án phân chia di sản thừa kế phần di sản của bà G được hưởng thì tặng cho ông Bộ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Trần Văn B trình bày:

Tôi là con ruột của ông Trần Văn L (sinh năm 1928 – chết năm 2005) và bà Nguyễn Thị G . Ông bà nội tôi là Trần Văn Đ , Bùi Thị N có tất cả 07 người con như bà H trình bày là đúng.

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng cụ thể như sau:Tại đơn xác nhận mối quan hệ ngày 25/2/2014 được UBND phường Tân Tiến xác nhận ông Đ , bà N sinh được 05 người con là Trần Văn Lộc, Trần Thị C , Trần Thị Đài, Trần Thị Hài, Trần Thị L , ngoài ra không có ai khác là sai sự thật, mà ông bà nội tôi có 07 người con, ngoài 5 người con còn có Trần Văn A , sinh năm 1950(chết năm 1972, chết do chiến tranh không có giấy chứng tử) và Trần Văn T , sinh năm 1954(đã chết năm 1964)(không có chứng tử) ông A , T đều không có gia đình. Tại văn bản thỏa thuận cử người đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất đề ngày 25/02/2014 (cũng được UBND phường T xác nhận ngày 13/3/2014) để cơ quan nhà nước làm cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bỏ sót nhiều người trong hàng thừa kế. Trên Văn bản thỏa thuận này chỉ có cô Trần Thị C , Trần Thị H , Trần Thị Đ và Trần Thị L còn Ông L (đã chết) thì phải có bà G và các con của bà G ký vào Văn bản thì mới hợp pháp.

Vì vậy trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 942049 ngày 06/5/2014 đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 12, tại phường T, thành phố B chỉ cấp cho bà Trần Thị L , là người đại diện của những người thừa kế quyền sử dụng đất theo văn bản thỏa thuận của người đại diện đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND phường Tân Tiến xác nhận ngày 13/03/2014 là sai. Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 942049 đã tước bỏ quyền thừa kế của gia đình tôi đối với quyền sử dụng đất nói trên. Ngoài ra chữ ký của người làm đơn xin xác nhận quan hệ đề ngày 25/02/2014 cô Trần Thị L của những người trong văn bản của người đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/02/2014 có dấu hiệu giả mạo do cô Trần Thị L , bác Trần Thị C , và cô Trần Thị Đài không biết chữ nhưng lại ký và viết tên của mình với chữ ký, nét chữ rất khác thường.

Toàn bộ diện tích đất 805,3m^2 của thửa đất số 44, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 942049 gồm có 03 phần, đó là:

Phần diện tích là 180 m^2 có nguồn gốc do tôi mua lại của cụ Trần Thị H (em gái ruột cụ Trần Văn Đ) vào năm 1998 với giá là 02 lượng vàng. Diện tích này có tứ cận như sau: Phía Bắc rộng khoảng 19,4 m giáp con suối nhỏ (nay đã được đặt cống và là con hẻm số 52 đường Hồ Tùng Mậu); Phía Nam rộng khoảng 19,4 m giáp đất của ông bà nội tôi là cụ Trần Văn Đ và cụ Bùi Thị N trước đây; Phía Tây giáp đất ông Q dài khoảng 6,23m; Phía Đông dài khoảng 12m giáp đất ông C .Tôi là người trực tiếp quản lý, sử dụng trồng rau ổn định trên phần đất này từ năm 1998 cho đến nay mà không hề có tranh chấp hay khiếu nại với ai.

Phần diện tích khoảng 05 m^2 bên hông căn nhà của tôi ở địa chỉ 52/117A đường H, phường T có nguồn gốc do mua lại của bà Nguyễn Thị L vào năm 2007 để nới rộng căn nhà và điều chỉnh ranh giới căn nhà của tôi cho thẳng hàng.

Phần diện tích còn lại là của ông bà nội tôi (cụ Trần Văn Đ và cụ Bùi Thị N). Trước khi chết ông bà nội đã cho 03 người con gồm: Cô Trần Thị L được 98m^2 (nay 70m^2); cha tôi ông Trần Văn L được ½ diện tích đất; tôi được cho căn nhà khoảng 80m^2 và phần diện tích đất còn lại. Vậy nhưng khi làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất người làm đã kê khai luôn phần diện tích đất riêng của tôi và hiện nay phần đất của tôi đang nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 942049 ngày 06/5/2014 thửa đất số 44, tờ bản đồ số 12. Theo quy định của pháp luật về đất đai, khi đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải có biên bản ký giáp ranh với những chủ sử dụng đất liền kề nhưng ở đây những người có đất xung quanh không ai được

hỏi ý kiến hay được ký vào biên bản này. Việc tiến hành các thủ tục, giấy tờ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 942049 ngày 06/5/2014 đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 12 có nhiều khuất tất, giả mạo, gian dối, không đúng pháp luật. Phần con đường bà P nói trừ ra để làm lối đi riêng tôi không đồng ý mà phần đất đó tôi mua của bà L , bà L có xác nhận. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 942049 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 06/5/2014 đối với thửa số 44, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại phường Tân Tiến thành phố Buôn Ma Thuột.

4.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

4.1. Tại các bản tự khai Bà Trần Thị P ; Bà Trần Thị X ; Bà Trần Thị M ; Bà Trần Thị Gi và Ông Trần Quang P trình bày:

Ông Đ , bà N sinh được các người con sau: Bà Hài, bà C ông L , bà Đài, bà Lụa, ông Than, ông A , sinh năm 1950 (chết năm 1972, chết do chiến tranh không có giấy chứng tử) và Trần Văn T , sinh năm 1954 (đã chết năm 1964, không có chứng từ) ông A , T đều không có gia đình. Chúng tôi là con ruột của Bà Trần Thị Đ (sinh năm: 1930, mất năm: 2021) theo trích lục khai tử số 146 được UBND phường T, thành phố B cấp ngày 15/3/2021 và ông Trần Văn N (sinh năm: 1930). Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với khối tài sản do ông bà ngoại là ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị N để lại là thửa đất 44, tờ bản đồ 12 có diện tích 805,3m^2 tại phường T, Tp. B và căn nhà có diện tích khoảng 150m^2 gắn liền với thửa đất nêu trên, chúng tôi đồng ý và có nguyện vọng được chia như sau:

Đối với tài sản là căn nhà và phần đất gắn liền với căn nhà có diện tích khoảng 150m^2, hiện do bà L và ông B mỗi người sử dụng một phần (ông B sử dụng phần căn nhà và phần đất có diện tích 80m^2, bà L sử dụng phần căn nhà và phần đất có diện tích 70m^2) trước đây đã được tất cả các hàng thừa kế đồng ý cho ông B và bà Lụa, trong đó có mẹ chúng tôi. Do đó, chúng tôi đề nghị Tòa án công nhận phần tài sản này cho bà L và ông B theo hiện trạng thực tế sử dụng ông B được quyền quản lý, sử dụng 80m^2 và căn nhà trên đất thuộc quyền quản lý, sử dụng không yêu cầu chia.

Đối với phần diện tích đất còn lại là di sản thừa kế của ông bà ngoại để lại, chúng tôi đề nghị Toà án chia thừa kế cho các hàng thừa kế theo quy định pháp luật. Đối với 70m^2 đất và nhà trước đây của bà L không chia, hiện nay bà L chết không có chồng, con nên đề nghị chia theo pháp luật. Về con đường hiện nay đang đi vào nhà bà N (hồi xưa đến nay), giáp nhà ông B hiện nay con đường khoảng 19m^2 không được chia di sản thừa kế để làm đường đi chung của cả dòng họ. Đối với yêu cầu độc lập của ông Trần Văn B : Ông B cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT942049 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 6/5/2014 (thửa đất số 44, tờ số 12) có 180m^2 đất do ông B mua lại của cụ Trần Thị H vào năm 1998 và 5m^2 đất do ông mua lại của bà Nguyễn Thị L vào năm 2007, nên phần đất này là tài sản riêng của ông B , không thuộc di sản thừa kế. Chúng tôi không đồng ý với yêu cầu này của ông B vì toàn bộ phần đất được cấp

theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đều là di sản do ông bà tôi để lại. Vì vậy chúng tôi đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật.

4.2. Ông Hoàng Văn T trình bày:

Tôi là con ruột của bà Trần Thị C (sinh năm: 1919, mất năm: 2016) theo trích lục khai tử số 52 được UBND phường T, thành phố B cấp ngày 5/8/2016 và ông Hoàng Văn L (sinh năm: 1915, chết năm: 2000). Mẹ tôi là con ông Trần Văn Đ (sinh năm: 1898, mất năm 1961) và bà Bùi Thị N (sinh năm: 1897, mất năm: 1994), tôi là cháu ngoại của ông Đ và bà Nhĩ. Bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với khối tài sản do ông bà tôi là ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị N để lại là thửa đất và căn nhà có diện tích khoảng 150m^2 gắn liền với thửa đất nêu trên, tôi có ý kiến như sau: Đối với tài sản là căn nhà và phần đất gắn liền với căn nhà có diện tích khoảng 150m^2, trước đây do bà L và ông B mỗi người sử dụng một phần (ông B sử dụng phần căn nhà và phần đất có diện tích 80m^2, bà L sử dụng phần căn nhà và phần đất có diện tích 70m^2), trước đây tất cả các hàng thừa kế đồng ý cho bà L và ông B được sử dụng phần nhà đất này, trong đó có mẹ tôi. Nay bà L đã mất nên phần căn nhà và phần đất bà L sử dụng khi còn sống là 70m^2, đề nghị Tòa án chia cho các hàng thừa kế theo quy định pháp luật. Đối với phần nhà, đất có diện tích 80m^2 do ông B sử dụng từ trước đến nay, tôi đề nghị Tòa án công nhận phần tài sản này cho ông B theo hiện trạng thực tế sử dụng. Đối với phần diện tích đất còn lại là di sản thừa kế của ông bà tôi để lại, tôi đề nghị Toà án chia thừa kế cho các hàng thừa kế theo quy định pháp luật. Phần di sản thừa kế tôi được chia tôi tặng cho ông Trần Văn B .

Đối với yêu cầu độc lập của ông Trần Văn B : Ông B cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT942049 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 6/5/2014 (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 12) cấp cho bà L có 180m^2 đất do ông B mua lại của cụ Trần Thị H vào năm 1998 và 5m^2 đất do ông mua lại của bà Nguyễn Thị L vào năm 2007, nên phần đất này là tài sản riêng của ông Bộ, không thuộc di sản thừa kế. Tôi không đồng ý với yêu cầu này của ông B vì toàn bộ phần đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đều là di sản do ông bà tôi để lại. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án chia thừa kế theo nguyện vọng tôi đã trình bày nêu trên.

4.3. Trong các bản tự khai ông Hoàng Văn R ; ông Hoàng Văn H ; ông Hoàng Văn M và bà Hoàng Thị K trình bày:

Chúng tôi là con ruột của bà Trần Thị C (sinh năm: 1919, mất năm: 2016) theo trích lục khai tử số 52 được UBND phường T, thành phố B cấp ngày 5/8/2016 và ông Hoàng Văn L (sinh năm: 1915, chết năm: 2000). Mẹ tôi là con ông Trần Văn Đ (sinh năm: 1898, mất năm 1961) và bà Bùi Thị N (sinh năm: 1897, mất năm: 1994), chúng tôi là cháu ngoại của ông Đ và bà Nhĩ. Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với khối tài sản do ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị N để lại chúng tôi có ý kiến như sau:

Đối với tài sản là căn nhà và phần đất gắn liền với căn nhà có diện tích khoảng 150m^2, trước đây do bà L và ông B mỗi người sử dụng một phần (ông B sử dụng phần căn nhà và phần đất có diện tích 80m^2, bà L sử dụng phần căn nhà và phần đất có diện

tích 70m^2), trước đây tất cả các hàng thừa kế đồng ý cho bà L và ông B được sử dụng phần nhà đất này, trong đó có mẹ chúng tôi. Nay bà L đã mất nên phần căn nhà và phần đất bà L sử dụng khi còn sống là 70m^2, đề nghị Tòa án chia cho các hàng thừa kế theo quy định pháp luật. Đối với phần nhà, đất có diện tích 80m^2 do ông B sử dụng từ trước đến nay, chúng tôi đề nghị Tòa án công nhận phần tài sản này cho ông B theo hiện trạng thực tế sử dụng. Đối với phần diện tích đất còn lại là di sản thừa kế của ông bà để lại, chúng tôi đề nghị Toà án chia thừa kế cho các hàng thừa kế theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Trần Văn B : Ông B cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT942049 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 6/5/2014 (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 12) cấp cho bà L có 180m^2 đất do ông B mua lại của cụ Trần Thị H vào năm 1998 và 5m^2 đất do ông mua lại của bà Nguyễn Thị L vào năm 2007, nên phần đất này là tài sản riêng của ông Bộ, không thuộc di sản thừa kế.Chúng tôi không đồng ý với yêu cầu này của ông B vì toàn bộ phần đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đều là di sản do ông bà tôi để lại. Vì vậy chúng tôi đề nghị Tòa án chia thừa kế theo nguyện vọng chúngtôi đã trình bày nêu trên.

4.4.Trong quá trình tham gia tố tụng Ông Trần Văn T , ông Trần Văn P cùng trình bày:

- Về nguồn gốc quyền sử dụng đất thửa số 44, tờ bản đồ số 12, m^2, tại phường Tân Tiến, Tp. Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk là đất của ông Đ bà Nhĩ chết để lại không có di chúc nhưng lúc còn sống đã cho bằng miệng là cho Ông L (con trai cả) và bà L không lập gia đình và ông B là cháu đích tôn. Tất cả chúng tôi đều có ý kiến về văn bản thỏa thuận cử người đại diện đứng tên trong sổ đỏ là giả mạo, chữ ký của bà C bà Hài, bà L và Bà Đ vì 4 người này đều không biết chữ. Giấy kí giáp ranh để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều giả mạo chữ kí của người giáp ranh. Chúng tôi đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L đang đứng tên vì không đúng quy định của pháp luật. Thửa đất trên bà H yêu cầu chia thì chúng tôi không tranh chấp gì cả. Nếu Tòa án chia cho chúng tôi thì chúng tôi từ chối nhận phần chúng tôi được hưởng và tặng cho ông Trần Văn B .

4.5. Trong quá trình tham gia tố tụng bà Trần Thị H và ông Trần Xuân T trình bày:

Chúng tôi là cháu của ông Đ bà Nhĩ, cha chúng tôi là ông Trần Văn L và mẹ là bà Nguyễn Thị G . Ông Đ , bà N trước khi chết có để lại thửa đất 44, tờ 12, tọa lạc tại phường T, thành phố B . Theo quy định của pháp luật tôi được hưởng phần di sản của ông bà nội tôi để lại. Nay chúng tôi tự nguyện từ chối nhận và tặng cho ông Trần Văn B .

4.6. Trong quá trình tham gia tố tụng ông Hoàng Văn T trình bày:

Tôi là cháu của ông Đ bà Nhĩ, mẹ tôi là Trần Thị C (đã chết), ông Đ bà N trước khi chết có để lại thửa đất 44, tờ 12, tọa lạc tại phường T, thành phố B . Theo quy định của pháp luật tôi được hưởng phần di sản của ông bà nội tôi để lại, nay tôi tự nguyện từ chối nhận và tặng cho ông Trần Văn B .

4.7. Trong quá trình tham gia tố tụng ông Trần Văn N trình bày:

Vợ tôi là Trần Thị Đ (đã chết), vợ tôi là con của ông Đ bà Nhĩ. Ông Đ bà N trước khi chết có để lại thửa đất 44, tờ 12 tọa lạc tại phường T, thành phố B . Theo quy định của pháp luật tôi được hưởng phần di sản của vợ tôi được hưởng từ ông Đ , bà N để lại, nay tôi tư nguyện từ chối nhận và tặng cho ông Trần Văn B .

4.8. Trong quá trình tham gia tố tụng ông Trần Quang V trình bày:

Ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị N sinh được 07 người con: Bà Trần Thị H , bà Trần Thị C (chết), ông Trần Văn L (chết), Bà Trần Thị Đ (chết), bà Trần Thị L , ông Trần Văn T (chết năm 1964), ông Trần Văn A , (chết năm 1972). Văn bản thỏa thuận người đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 942049, thửa đất 44, tờ 12 cấp ngày 06/5/2014, mẹ tôi là Bà Trần Thị Đ không biết chữ nhưng trong văn bản trên có chữ ký của mẹ tôi. Bà Trần Thị H là em của ông Đ có 01 thửa đất diện tích 180m^2, năm 1971- 1972 tôi có trực tiếp phụ giúp bà tôi canh tác trồng rau xanh trên thửa đất này. Năm 1998 mẹ tôi nói cho tôi biết ông B mua thửa đất trên của bà Hồi mà hiện nay nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L đại diện đứng tên. Theo tôi được biết, khi xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải ký giáp ranh, tôi có hỏi bố tôi nhưng bố tôi nói không ký. Chúng tôi đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà do bà L đang đứng tên vì không đúng quy định của pháp luật. Thửa đất trên bà H yêu cầu chia di sản thừa kế thì chúng tôi không tranh chấp gì cả. Nếu Tòa án chia di sản cho tôi thì chúng tôi từ chối nhận và cũng không cho ai cả.

4.9. Trong quá trình tham gia tố tụng ông Trần Quang M trình bày:

Ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị N sinh được 07 người con: Bà Trần Thị H , bà Trần Thị C (chết), ông Trần Văn L (chết), Bà Trần Thị Đ (chết), bà Trần Thị L , ông Trần Văn T (chết năm 1964), ông Trần Văn A , (chết năm 1972). Tôi đồng ý với ý kiến của ông Trần Văn B . Văn bản thỏa thuận người đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Đài, bà C bà L không ai biết chữ nhưng trong văn bản trên lại có chữ ký. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L đang đứng tên cấp luôn cả phần của bà Hồi. Việc tranh chấp tài sản của ông bà ngoại tôi thì tôi không tham gia.

4.10. Trong quá trình tham gia tố tụng ông Hoàng Văn S trình bày:

Về nguồn gốc quyền sử dụng đất thửa số 44, tờ bản đồ số 12 tại phường T , Tp. B, tỉnh Đắk Lắk là đất của ông Đ , bà N chết để lại không có di chúc nhưng lúc còn sống đã cho Ông L là con trai cả (cho bằng miệng) và bà L không lập gia đình và ông B là cháu đích tôn. Về văn bản thỏa thuận cử người đại diện đứng tên trong sổ đỏ là giả mạo chữ ký của bà C bà Hài, bà L và Bà Đ vì 4 người này đều không biết chữ. Giấy kí giáp ranh để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều giả mạo chữ kí của người giáp ranh. Chúng tôi đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà do bà L đang đứng tên vì không đúng quy định của pháp luật. Thửa đất trên bà H yêu cầu chia di sản thừa kế thì chúng tôi không tranh chấp gì cả. Nếu Tòa án chia cho chúng tôi thì chúng tôi từ chối nhận và cũng không cho ai cả.

4.11. Bà Trần Thị Y trình bày tại bản tự khai ngày 25/5/2023:

Tôi là vợ của ông Trần Văn Â (đã chết 2005), ông Â là con của Ông L và bà Ga. Hiện nay bà H khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Đ bà Nhĩ là thửa đất 44, tờ 12 tại phường T, thành phố B . Ông Â được hưởng một phần di sản thừa kế của Ông L để lại. Tôi đồng ý 80m^2 để cho ông Bộ, phần còn lại chia theo quy định của pháp luật.

4.12. Trần Ngọc Hương Q trình bày tại bản tự khai ngày 25/5/2023:

Tôi là còn ruột của ông Trần Văn Â , ông Â là con của Ông L và bà G . Hiện nay bà H khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Đ bà Nhĩ là thửa đất 44, tờ 12 tại phường T, thành phố B . Bố tôi là ông Â được hưởng một phần di sản thừa thừa kế của Ông L để lại. Tôi đồng ý 80m^2 để cho ông B , phần còn lại chia theo quy định của pháp luật.

5. Người làm chứng trình bày:

5.1.Ông Trần Văn Ctrình bày:

Tôi là hàng xóm của ông B , bà H và bà G chứ không có quan hệ họ hàng gì. Tôi sống tại: 52/117 Hồ Tùng Mậu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk từ năm 1971 đến nay. Quá trình sinh sống tôi được biết: Ông Trần Văn B là con của ông Trần Văn L (đã chết). Thửa đất hiện nay bà H chia di sản thừa kế tôi được biết vào năm 1998 ông B có mua của bà Trần Thị H diện tích 180m^2 với giá 02 lượng vàng do con cháu trong gia đình nên không có giấy tờ gì. Hiện nay diện tích đất trên đang thuộc thửa đất 44, tờ 12 chỉ thửa đất hiện nay 52/117A H, phường T, thành phố B nằm phía trước đất của ông B đang ở, tôi thấy ông B canh tác trên phần đất này.

5.2. Ông Trần Văn C1 trình bày:

Tôi là hàng xóm của ông Bộ, bà H và bà G chứ không có quan hệ họ hàng gì, tôi sống tại: 52/117 Hồ Tùng Mậu, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk từ lúc nhỏ đến nay. Quá trình sinh sống tôi được biết: Ông Trần Văn B là con của ông Trần Văn L . Thửa đất hiện nay bà H chia di sản thừa kế tôi được biết vào năm 1998 ông B có mua của bà Trần Thị H diện tích 180m^2 với giá 02 lượng vàng do con cháu trong gia đình nên không có giấy tờ gì; và ½ thửa đất là của Ông L sau đó Ông L chết thì ông B là con trưởng được hưởng di sản thừa kế và 01 phần bà Nhĩ chia cho cháu đích tôn là ông Bộ, tôi được biết gần như toàn bộ thửa đất là của ông B chỉ có 01 phần nhỏ ở giữa là của bà L (đã chết), tôi chỉ biết vậy chứ không có giấy tờ gì. Ngoài ra chúng tôi không biết thêm sự việc gì thêm.

5.3. Bà Bùi Thị T trình bày:

Tôi là hàng xóm của ông Bộ, bà H và bà G chứ không có quan hệ họ hàng gì. Quá trình sinh sống tôi được biết: Ông Trần Văn B là con của ông Trần Văn L đã chết. Thửa đất hiện nay bà H chia di sản thừa kế tôi được biết vào năm 1998 ông B có mua của bà Trần Thị H diện tích 180m^2 với giá 02 lượng vàng do con cháu trong gia đình nên không có giấy tờ gì; ½ thửa đất là của Ông L sau đó Ông L chết thì ông B là con trưởng được hưởng di sản thừa kế và 01 phần bà Nhĩ chia cho cháu đích tôn là ông B có 01 căn nhà gỗ nhưng hiện nay ông B đã sửa lại, tôi được biết gần như toàn bộ thửa đất là của ông B chỉ có 01 phần nhỏ ở giữa là của bà L (đã chết), tôi chỉ biết vậy chứ không có giấy tờ gì.

5.4. Bà Trần Thị L trình bày:

Tôi là hàng xóm của ông Trần Văn B , vào năm 2007 khi ông B xây nhà thì con đường đi bên hông nhà giáp với thửa đất của tôi khi đó được sử dụng làm lối đi vào nhà bà nội của ông B chiều ngang khoảng 20cm. Khi ông B làm nhà thì móng nhà ông B đặt lên con đường đi này dẫn đến không có lối đi nên ông B hỏi mua của tôi khoảng 80cm chiều ngang, dài khoảng hơn 20m kéo mép nhà ông B đến gần giáp đất Bà Đ và sử dụng con đường đó đi cho đến nay. Quá trình sinh sống tôi được biết vào năm 1998 ông B có mua của bà Trần Thị H diện tích 180m^2 với giá 02 lượng vàng do con cháu trong gia đình nên không có giấy tờ gì; ½ thửa đất là của Ông L sau đó Ông L chết thì ông B là con trưởng được hưởng di sản thừa kế và 01 phần bà Nhĩ chia cho cháu đích tôn là ông B có 01 căn nhà gỗ nhưng hiện nay ông B đã sửa lại, còn 01 phần nhỏ ở giữa là của nhà của bà L (đã chết), tôi chỉ biết vậy chứ không có giấy tờ gì.

5.5. Bà Trần Thị Minh H trình bày:

Tôi là con của ông B , hiện tại căn nhà tôi đang ở được ông B xây dựng từ năm 2007, tôi chưa có nhà ở nên bố tôi cho tôi ở trên căn nhà trên, hiện tại tôi không cải tạo gì trên đất.

5. 6.Trong quá trình tham gia tố tụng ông Đỗ Văn Quý trình bày:

Tôi là chồng bà H bà H khởi kiện chia di sản thừa kế là thửa đất của ông Đ bà Nhĩ để lại thì tôi không liên quan gì.

Tại phiên tòa các đương sự có mặt tại phiên tòa thỏa thuận phân chia như sau:

- Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT942049 ngày 06/5/2014, thửa đất 44, tờ 12, ông Trần Văn B xin rút yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án đình chỉ theo quy định của pháp luật.

- Di sản thừa kế của ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị N là thửa đất 44, tờ 12, được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT942049 ngày 06/5/2014, với diện tích đo đạc thực tế 784.2m^2.

- Công nhận cho ông Trần Văn B diện tích đất 80m^2 và 01 căn nhà trên đất diện tích 110,3m^2 nhà có gác lửng, mái lợp tôn xà gồ gỗ, trần tôn lạnh, tường xây gạch, trát sơn, nền lát gạch ceramic, móng xây đá hộc, cửa gỗ sắt kính có giá trị còn lại 126.536.000đồng; 01 mái che, lợp tôn có giá trị còn lại 455.600đồng, 01 đường bê tông có mương nước giá trị còn lại 1.363.548 đồng không phân chia di sản thừa kế.

- Xác định 70m^2 và 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 36m^2, mái lợp tôn, xà gồ gỗ, tường xây gạch trét sơn, cửa sổ bằng gỗ di thừa kế của Bà Trần Thị L (đã chết) trị giá đất 357.051.912 đồng và 01 căn nhà trên đất, sân xi măng, tường rào tổng trị giá 47.913.180 đồng và phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Di sản thừa kế còn lại của ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị N với diện tích 634,2m^2, trị giá 3.234.889.058 đồng chia cho 05 người con là hàng thừa kế thứ nhất của gồm bà Trần Thị C ; Ông Trần Văn L; Bà Trần Thị Đ; Bà Trần Thị H ; Bà Trần Thị L , mỗi hàng thừa kế được hưởng số tiền 646.977.811 đồng.

+ Hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị C (sinh năm: 1919, mất năm: 2016) và ông Hoàng Văn L (sinh năm: 1915, chết năm: 2000) có 06 người con chung ông

Hoàng Văn T ; ông Hoàng Văn R ; ông Hoàng Văn H ; bà Hoàng Thị K ; ông Hoàng Văn M ; ông Hoàng Văn S, mỗi người được chia số tiền: 646.977.811 đồng: 6 = 107.829. 635 đồng.

+ Hàng thừa kế của ông Trần Văn L (sinh năm: 1928, mất năm: 2005), có vợ là bà Nguyễn Thị G , sinh năm 1933 và 6 người con chung là: ông Trần Văn B ; Ông Trần Văn T ; ông Trần Văn P ; ông Trần Xuân T; bà Trần Thị H ; ông Trần Văn Ân (chết năm 2005) có vợ là Trần Thị Y và con là Trần Ngọc Hương Q , sinh năm 1998. Như vậy hàng thừa kế của ông Trần Văn L có 07 người, mỗi người được chia số tiền: 646.977.811 đồng: 7= 92.425.401 đồng

+ Hàng thừa kế của Bà Trần Thị Đ (sinh năm: 1930, mất năm: 2021) có chồng là ông Trần Văn N và có 8 người con chung là: Ông Trần Quang V ; ông Trần Quang M ; ông Trần Quang C ; Ông Trần Quang P ; Bà Trần Thị P ; Bà Trần Thị M ; Bà Trần Thị Gi ; Bà Trần Thị X . Như vậy hàng thừa kế của Bà Đ có 09 người, mỗi người được chia: 646.977.811 đồng: 9 = 71.886. 423 đồng.

+ Bà Trần Thị H được chia: 646.977.811 đồng.

+ Bà Trần Thị L , sinh năm: 1944 - chết năm 2022 được chia số tiền 646.977.811 đồng, Bà Trần Thị L không có chồng con nên Bà Trần Thị H (chị gái) là hàng thừa kế thứ hai duy nhất còn sống của Bà Trần Thị L được hưởng số tiền 646.977.811 đồng. Như vậy tổng giá trị di sản bà H được nhận là 1.293.955.623 đồng.

- Diện tích 70m^2 và 01 căn nhà xây cấp 4 Bà Trần Thị L chết không có chồng con nên Bà Trần Thị H (chị gái) là hàng thừa kế thứ hai duy nhất còn sống của Bà Trần Thị L được hưởng. Bà Trần Thị H tặng cho ông Trần Văn B phần diện tích đất này.

- Phần di sản của ông Hoàng Văn S được nhận từ bà Trần Thị C với số tiền 107.829.635 đồng chia cho các hàng thừa kế của gia đình Bà C bao gồm 05 người: Ông Hoàng Văn T ; Ông Hoàng Văn R ; Ông Hoàng Văn H ; Bà Hoàng Thị K và ông Hoàng Văn M , mỗi người được chia số tiền 21.565.927 đồng. Như vậy, ông Hoàng Văn T ; Ông Hoàng Văn R ; Ông Hoàng Văn H ; bà Hoàng Thị K ; Ông Hoàng Văn M , mỗi người được chia tổng cộng số tiền: 129.395.562 đồng.

- Phần di sản của ông Trần Quang M và ông Trần Quang V được nhận từ Bà Trần Thị Đ tổng cộng số tiền 143.772.846 đồng chia cho các hàng thừa kế trong gia đình của Bà Trần Thị Đ gồm 7 người: Ông Trần Văn N ; Ông Trần Quang C ; Ông Trần Quang P ; Bà Trần Thị P ; Bà Trần Thị M ; Bà Trần Thị Gi ; Bà Trần Thị X , mỗi người hưởng số tiền 20.538.978 đồng. Như vậy ông Trần Văn N ; Ông Trần Quang C ; Ông Trần Quang P ; Bà Trần Thị P ; Bà Trần Thị M ; Bà Trần Thị Gi và Bà Trần Thị X , mỗi người được chia tổng cộng số tiền là 92.425.401 đồng.

Phân chia như sau:

+ Giao cho Bà Trần Thị H có quyền quản lý, sử dụng diện tích 306.1m^2, trong đó có 150m^2 thổ cư, giá trị thửa đất: 1.561.336.393 đồng, tổng giá trị di sản thừa kế bà H được hưởng là 1.293.955.623 đồng. Tứ cận thửa đất như sau: Phía đông: Giáp thửa 44, tờ bản đồ 12; Phía tây: Giáp thửa đất của ông Quý, bà Hài; Phía Nam: Giáp thửa đất 44, tờ bản đồ 12 và thửa đất của bà La; Phía Bắc: Giáp đường hẻm Hồ Tùng Mậu.

Bà Trần Thị H phải trả lại cho hàng thừa kế khác số tiền 267.380.770 đồng, như sau:

Trả cho Bà Trần Thị Gi số tiền 92.425.401 đồng; Trả cho ông Hoàng Văn R số tiền 129.395.562 đồng; Trả cho Bà Trần Thị P 45.559.806 đồng.

+ Giao cho ông Trần Văn B có quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 478.1m^2, có 150m^2 thổ cư. Trong đó 328,1m^2 là di sản thừa kế của ông Đ , bà N có trị giá 1.673.552.665 đồng; 70m^2 đất trị giá 357.051.772 đồng cùng 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 36m^2, mái lợp tôn, xà gồ gỗ, tường xây gạch trét sơn, cửa sổ bằng, 01 sân xi măng diện tích 73,3 m^2, tường rào xây gạch gỗ, tổng trị giá tài sản trên đất 47.913.180 đồng (là di sản thừa kế của Bà Trần Thị L do bà H tặng cho ông Bộ) và 80m^2 đất cùng 01 căn nhà trên đất diện tích 110,3m^2 nhà có gác lửng, mái lợp tôn xà gồ gỗ, trần tôn lạnh, tường xây gạch, trát sơn, nền lát gạch ceramic, móng xây đá hộc, cửa gỗ sắt kính có giá trị còn lại 126.536.000đồng; 01 mái che, lợp tôn có giá trị còn lại 455.600đồng, 01 đường bê tông có mương nước giá trị còn lại 1.363.548 đồng (không phân chia di sản thừa kế). Tứ cận thửa đất: Phía đông: Giáp thửa đất ông Huy, ông Chiểu; Phía tây: Giáp thửa 44, tờ bản đồ 12; Phía nam: Giáp thửa đất ông Trần Văn N ; Phía bắc: Giáp đường hẻm Hồ Tùng Mậu.

Tổng cộng giá trị tài di sản ông Trần Văn B được hưởng từ phần di sản của ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Nhĩ 776.373.374 đồng. Ông Trần Văn B còn phải trả lại cho các hàng thừa kế khác số tiền: 897.179.290 đồng, bao gồm:

Trả cho ông Hoàng Văn M , bà Hoàng Thị K và ông Hoàng Văn H mỗi người số tiền 129.395.562 đồng; Trả cho chị Trần Ngọc Hương Q và bà Trần Thị Y mỗi người số tiền: 46.212.700 đồng (phần di sản của ông Trần Văn Ân 92.425.401 đồng); Trả cho ông Trần Quang C ; Ông Trần Quang P ; Bà Trần Thị X và Bà Trần Thị M mỗi người số tiền 92.425.401 đồng; Trả cho Bà Trần Thị P số tiền 46.865.595 đồng.

-Về chi phí xem xét thẩm định; chi phí đo đạc bằng máy và định giá nguyên đơn tự nguyện chịu nên cần chấp nhận.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận: Xác định di sản thừa kế của ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị N là thửa đất 44, tờ 12, được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT942049 ngày 06/5/2014, có diện tích còn lại 634,2m^2 có giá trị: 3.234.889.058 đồng.

- Giao cho Bà Trần Thị H có quyền quản lý, sử dụng diện tích 306.1m^2, trong đó có 150m^2 thổ cư, giá trị thửa đất: 1.561.336.393 đồng, tổng giá trị di sản thừa kế bà H được hưởng là 1.293.955.623 đồng. Tứ cận thửa đất như sau: Phía đông: Giáp thửa 44, tờ bản đồ 12; Phía tây: Giáp thửa đất của ông Q , bà H ; Phía Nam: Giáp thửa đất

44, tờ bản đồ 12 và thửa đất của bà L ; Phía Bắc: Giáp đường hẻm Hồ Tùng Mậu.

Bà Trần Thị H phải trả lại cho hàng thừa kế khác số tiền 267.380.770 đồng.

+ Giao cho ông Trần Văn B có quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 478.1m^2, có 150m^2 thổ cư. Trong đó 328,1m^2 là di sản thừa kế của ông Đ , bà N ; 70m^2 đất cùng 01 căn nhà xây cấp 4 trên đất (là di sản thừa kế của Bà Trần Thị L do bà H tặng cho ông Bộ) và 80m^2 đất cùng 01 căn nhà trên đất diện tích 110,3m^2 (công nhận cho ông B không phân chia di sản thừa kế). Tứ cận thửa đất: Phía đông: Giáp thửa đất ông H , ông C ; Phía tây: Giáp thửa 44, tờ bản đồ 12; Phía nam: Giáp thửa đất ông Trần Văn N ; Phía bắc: Giáp đường hẻm Hồ Tùng Mậu.

Tổng cộng giá trị tài di sản ông Trần Văn B được hưởng từ phần di sản của ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị N 776.373.374 đồng. Ông Trần Văn B còn phải trả lại cho các hàng thừa kế khác số tiền: 897.179.290 đồng.

- Đình chỉ đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn B .

- Về án phí: Các bên phải chịu theo quy định của pháp luật; Về chi phí xem xét thẩm định; chi phí đo đạc bằng máy và định giá nguyên đơn tự nguyện chịu nên cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về quan hệ tranh chấp và Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp chia di sản thừa kế*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy,Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về những người thuộc hàng thừa kế theo quy định của pháp luật:

Hàng thừa kế của ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị N bao gồm 05 người con:

- Bà Trần Thị C (sinh năm: 1919, mất năm: 2016) và ông Hoàng Văn L (sinh năm: 1915, chết năm: 2000) có 6 người con chung là hàng thừa kế thứ nhất là: Ông Hoàng Văn T ; Ông Hoàng Văn R ; Ông Hoàng Văn H ; Bà Hoàng Thị K ; Ông Hoàng Văn M và ông Hoàng Văn S.

- Ông Trần Văn L (sinh năm: 1928, mất năm: 2005) có vợ là bà Nguyễn Thị G , sinh năm 1933, có 6 người con chung là: Ông Trần Văn B ; Ông Trần Văn T ; Ông Trần Văn P ; Ông Trần Xuân T; Bà Trần Thị H và ông Trần Văn Ân (chết năm 2005; có vợ là Trần Thị Y và con là Trần Ngọc Hương Q , sinh năm 1998. Như vậy hàng thừa kế của Ông L có 07 người.

- Bà Trần Thị Đ: (sinh năm: 1930, mất năm: 2021) có chồng là ông Trần Văn N , có 8 người con chung là: Ông Trần Quang V ; Ông Trần Quang M ; Ông Trần Quang C ; Ông Trần Quang P ; Bà Trần Thị P ; Bà Trần Thị M ; Bà Trần Thị Gi ; Bà Trần Thị X . Như vậy hàng thừa kế của Bà Đ có 09 người.

- Bà Trần Thị H , sinh năm 1940

- Bà Trần Thị L , sinh năm 1944- chết năm 2022; Không có chồng con nên Bà Trần Thị H (chị gái) là hàng thừa kế thứ hai của bà Trần Thị L .

[4]. Về nội dung vụ án:

[4.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị N là thửa đất 44 tờ bản đồ số 12 được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT942049 ngày 06/5/2014 do Bà Trần Thị L đại diện đứng tên, tại phường T, thành phố B diện tích theo đo đạc thực tế 634,2 m^2; chia di sản thừa kế của Bà Trần Thị L 70m^2 và công nhận cho ông Trần Văn B có quyền quản lý, sử dụng 80m^2 và căn nhà trên đất, xét thấy:

Qua thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện nguồn gốc thửa đất do thừa kế của bố mẹ để lại. Như vậy thửa đất cần xác định là di sản thừa kế của ông Đ bà Nhĩ để lại, ông Đ bà N chết không có di chúc và chưa chia di sản thừa kế nên di sản thừa kế được phân chia theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận phân chia di sản như sau:

- Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT942049 ngày 06/5/2014, thửa đất 44, tờ 12, ông Trần Văn B xin rút yêu cầu khởi kiện.

- Di sản thừa kế của ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị N là thửa đất 44, tờ 12, được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT942049 ngày 06/5/2014, với diện tích đo đạc thực tế 784.2m^2.

- Công nhận cho ông Trần Văn B diện tích đất 80m^2 và 01 căn nhà trên đất diện tích 110,3m^2 nhà có gác lửng, mái lợp tôn xà gồ gỗ, trần tôn lạnh, tường xây gạch, trát sơn, nền lát gạch ceramic, móng xây đá hộc, cửa gỗ sắt kính có giá trị còn lại 126.536.000đồng; 01 mái che, lợp tôn có giá trị còn lại 455.600đồng, 01 đường bê tông có mương nước giá trị còn lại 1.363.548 đồng không phân chia di sản thừa kế.

- Xác định 70m^2 và 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 36m^2, mái lợp tôn, xà gồ gỗ, tường xây gạch trét sơn, cửa sổ bằng gỗ di thừa kế của Bà Trần Thị L (đã chết) trị đất 357.051.912đồng và 01 căn nhà trên đất, sân xi măng, tường rào tổng trị giá 47.913.180 đồng và phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Di sản thừa kế còn lại của ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị N với diện tích 634,2m^2, trị giá 3.234.889.058 đồng chia cho 05 người con là hàng thừa kế thứ nhất của gồm bà Trần Thị C ; Ông Trần Văn L; Bà Trần Thị Đ; Bà Trần Thị H ; Bà Trần Thị L , mỗi hàng thừa kế được hưởng số tiền 646.977.811 đồng.

+ Hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị C (sinh năm: 1919, mất năm: 2016) và ông Hoàng Văn L (sinh năm: 1915, chết năm: 2000) có 06 người con chung ông Hoàng Văn T ; ông Hoàng Văn R ; ông Hoàng Văn H ; bà Hoàng Thị K ; ông Hoàng Văn M ; ông Hoàng Văn S, mỗi người được chia số tiền: 646.977.811 đồng: 6 =

107.829. 635 đồng.

+ Hàng thừa kế của ông Trần Văn L (sinh năm: 1928, mất năm: 2005), có vợ là bà Nguyễn Thị G , sinh năm 1933 và 6 người con chung là: ông Trần Văn B ; Ông Trần Văn T ; ông Trần Văn P ; ông Trần Xuân T; bà Trần Thị H ; ông Trần Văn Ân (chết năm 2005) có vợ là Trần Thị Y và con là Trần Ngọc Hương Q , sinh năm 1998. Như vậy hàng thừa kế của ông Trần Văn L có 07 người, mỗi người được chia số tiền: 646.977.811 đồng: 7= 92.425.401 đồng

+ Hàng thừa kế của Bà Trần Thị Đ (sinh năm: 1930, mất năm: 2021) có chồng là ông Trần Văn N và có 8 người con chung là: Ông Trần Quang V ; ông Trần Quang M ; ông Trần Quang C ; Ông Trần Quang P ; Bà Trần Thị P ; Bà Trần Thị M ; Bà Trần Thị Gi ; Bà Trần Thị X . Như vậy hàng thừa kế của ông Bà Đ có 09 người, mỗi người được chia: 646.977.811 đồng: 9 = 71.886. 423 đồng.

+ Bà Trần Thị H được chia: 646.977.811 đồng.

+ Bà Trần Thị L , sinh năm: 1944, chết năm 2022 được chia số tiền 646.977.734 đồng, Bà Trần Thị L không có chồng con nên Bà Trần Thị H (chị gái) là hàng thừa kế thứ hai duy nhất còn sống của Bà Trần Thị L được hưởng số tiền 646.977.734 đồng. Như vậy tổng giá trị di sản bà H được nhận là 1.293.955.623 đồng.

- Phần di sản thừa kế của Bà Trần Thị L 70m^2 và 01 căn nhà xây cấp trên đất, bà L chết không có chồng con nên Bà Trần Thị H (chị gái) là hàng thừa kế thứ hai duy nhất còn sống được hưởng. Bà Trần Thị H tặng cho ông Trần Văn B 70m^2 đất và 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 36m^2, mái lợp tôn, xà gồ gỗ, tường xây gạch trét sơn, cửa sổ bằng gỗ trị giá 357.051.772 đồng và trị giá nhà, sân xi măng, tường rào tổng trị giá 47.913.180đồng.

- Phần di sản của ông Hoàng Văn S được nhận từ bà Trần Thị C với số tiền 107.829.635 đồng chia cho các hàng thừa kế của gia đình Bà C bao gồm 05 người: Ông Hoàng Văn T ; Ông Hoàng Văn R ; Ông Hoàng Văn H ; Bà Hoàng Thị K và ông Hoàng Văn M , mỗi người được chia số tiền 21.565.927 đồng. Như vậy, ông Hoàng Văn T ; Ông Hoàng Văn R ; Ông Hoàng Văn H ; bà Hoàng Thị K ; Ông Hoàng Văn M , mỗi người được chia tổng cộng số tiền: 129.395.562 đồng.

- Phần di sản của ông Trần Quang M và ông Trần Quang V được nhận từ Bà Trần Thị Đ tổng cộng số tiền 143.772.846 đồng chia cho các hàng thừa kế trong gia đình của Bà Trần Thị Đ gồm 7 người: Ông Trần Văn N ; Ông Trần Quang C ; Ông Trần Quang P ; Bà Trần Thị P ; Bà Trần Thị M ; Bà Trần Thị Gi ; Bà Trần Thị X , mỗi người hưởng số tiền 20.538.978 đồng. Như vậy ông Trần Văn N ; Ông Trần Quang C ; Ông Trần Quang P ; Bà Trần Thị P ; Bà Trần Thị M ; Bà Trần Thị Gi và Bà Trần Thị X , mỗi người được chia tổng cộng số tiền là 92.425.401 đồng.

Phân chia như sau:

+ Giao cho Bà Trần Thị H có quyền quản lý, sử dụng diện tích 306.1m^2, trong đó có 150m^2 thổ cư, giá trị thửa đất: 1.561.336.393 đồng, tổng giá trị di sản thừa kế bà H được hưởng là 1.293.955.623 đồng. Tứ cận thửa đất như sau: Phía đông: Giáp thửa 44, tờ bản đồ 12; Phía tây: Giáp thửa đất của ông Quý, bà H ; Phía Nam: Giáp thửa đất 44, tờ bản đồ 12 và thửa đất của bà L ; Phía Bắc: Giáp đường hẻm Hồ Tùng Mậu.

Bà Trần Thị H phải trả lại cho hàng thừa kế khác số tiền 267.380.770 đồng, như sau: Trả cho Bà Trần Thị Gi số tiền 92.425.401 đồng; Trả cho ông Hoàng Văn R số tiền 129.395.562 đồng; Trả cho Bà Trần Thị P số tiền 45.559.806 đồng.

+ Giao cho ông Trần Văn B có quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 478.1m^2, có 150m^2 thổ cư. Trong đó 328,1m^2 là di sản thừa kế của ông Đ , bà N có trị giá 1.673.552.665 đồng; 70m^2 đất trị giá 357.051.772 đồng cùng 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 36m^2, mái lợp tôn, xà gồ gỗ, tường xây gạch trét sơn, cửa sổ bằng, 01 sân xi măng diện tích 73,3m^2, tường rào xây gạch gỗ, tổng trị giá tài sản trên đất 47.913.180 đồng (là di sản thừa kế của Bà Trần Thị L do bà H tặng cho ông Bộ) và 80m^2 đất cùng 01 căn nhà trên đất diện tích 110,3m^2 nhà có gác lửng, mái lợp tôn xà gồ gỗ, trần tôn lạnh, tường xây gạch, trát sơn, nền lát gạch ceramic, móng xây đá hộc, cửa gỗ sắt kính, có giá trị còn lại 126.536.000đồng; 01 mái che, lợp tôn có giá trị còn lại 455.600 đồng, 01 đường bê tông có mương nước giá trị còn lại 1.363.548 đồng (không phân chia di sản thừa kế). Tứ cận thửa đất: Phía đông: Giáp thửa đất ông H , ông C ; Phía tây: Giáp thửa 44, tờ bản đồ 12; Phía nam: Giáp thửa đất ông Trần Văn N ; Phía bắc: Giáp đường hẻm Hồ Tùng Mậu.

Tổng cộng giá trị tài di sản ông Trần Văn B được hưởng từ phần di sản của ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Nh 776.373.374 đồng. Ông Trần Văn B còn phải trả lại cho các hàng thừa kế khác số tiền: 897.179.290 đồng, bao gồm:

Trả cho ông Hoàng Văn M , bà Hoàng Thị K và ông Hoàng Văn H mỗi người số tiền 129.395.562 đồng; Trả cho chị Trần Ngọc Hương Q và bà Trần Thị Y mỗi người số tiền: 46.212.700 đồng (phần di sản của ông Trần Văn Â 92.425.401 đồng); Trả cho ông Trần Quang C ; Ông Trần Quang P ; Bà Trần Thị X và Bà Trần Thị M mỗi người số tiền 92.425.401 đồng; Trả cho Bà Trần Thị P số tiền 46.865.595 đồng.

Xét thấy, tất cả các hàng thừa kế đều thừa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT942049 được UBND nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 06/5/2014, thửa đất 44, tờ 12, với diện tích đo đạc thực tế 784.2m^2 tại phường T, thành phố B là di sản thừa kế của ông Đ bà N . Khi còn sống ông Đ , bà N cho ông Trần Văn L và ông Trần Văn B là cháu đích tôn diện tích 80m^2 đang ở có căn nhà xây cấp 4 trên đất và cho Bà Trần Thị L 70m^2 cùng căn nhà cấp 4 trên thửa đất để ở. Di sản thừa kế còn lại của ông Đ bà Nhĩ chia di sản thừa kế là 634,2m^2. Bà H và ông B đều có nhu cầu nhận đất quản lý, sử dụng, phần di sản thừa kế của bà H được nhận giá trị lớn 1.293.955.623 đồng. Đối với phần diện tích ông B đang ở có căn nhà xây cấp 4, diện tích 110,3m^2 có từ lúc Ông L (bố ông B) xây ở ổn định từ trước tới nay, sau khi Ông L chết cho ông B ở là nơi duy nhất thờ cúng bố mẹ, ngoài ra phần bà H tặng cho ông B diện tích đất 70m^2 và 01 căn nhà xây cấp 4 là di sản thừa kế của bà L nằm liền kề nhau mà ông B đang quản lý, sử dụng tổng cộng diện tích 150m^2. Các hàng thừa kế khác còn tặng cho ông Trần Văn B phần di sản thừa kế được nhận từ ông Đ bà N , tổng cộng giá trị di sản ông Trần Văn B được hưởng từ ông Đ bà Nhĩ số tiền 776.367.269 đồng. Như vậy cần giao cho Bà Trần Thị H và ông Trần Văn B nhận quản lý, sử dụng thửa đất và trả lại giá trị cho các hàng thừa kế khác bằng giá trị theo quy định của pháp luật như thỏa thuận trên của các đương sự là phù hợp với quy

định của pháp luật và phù hợp với thực tế sử dụng đất nên cần chấp nhận.

[4.2]. Đối với yêu cầu độc lập của ông Trần Văn B : Tại phiên tòa ông Trần Văn B xin rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT942049, thửa đất 44, tờ 12, được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 06/5/2014 cho Bà Trần Thị L đại diện đứng tên. Xét việc rút yêu cầu này là tự nguyện nên cần chấp nhận và đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn B .

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định; chi phí đo đạc bằng máy và định giá nguyên đơn tự nguyện chịu nên cần chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bà Trần Thị H , sinh năm 1940; Ông Trần Văn B , sinh năm 1954; Ông Hoàng Văn H , sinh năm 1953; ông Hoàng Văn R , sinh năm 1954; Ông Hoàng Văn M , sinh năm 1961; Bà Trần Thị P , sinh năm 1960; Bà Trần Thị M , sinh năm 1962 là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Bà Hoàng Thị K ; chị Trần Ngọc Hương Q ; bà Trần Thị Y , ông Trần Quang C , Ông Trần Quang P , Bà Trần Thị X ; Bà Trần Thị Gi phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157; Điều 164; Điều 165; Điều 203; Điều 220; khoản 2 Điều 219; Điều 227; Điều 166; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 9; 210; 609; 611; 612; 613; 623; 649; 650; 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị N là thửa đất 44 tờ bản đồ số 12 được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT942049 ngày 06/5/2014 do Bà Trần Thị L đại diện đứng tên, tại phường T, thành phố B .

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Xác định di sản thừa kế của ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị N là thửa đất 44, tờ 12, được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT942049 ngày 06/5/2014, với diện tích đo đạc thực tế 784.2m^2.

- Công nhận cho ông Trần Văn B diện tích đất 80m^2 và 01 căn nhà trên đất diện tích 110,3m^2 nhà có gác lửng, mái lợp tôn xà gồ gỗ, trần tôn lạnh, tường xây

gạch, trát sơn, nền lát gạch ceramic, móng xây đá hộc, cửa gỗ sắt kính có giá trị còn lại 126.536.000đồng; 01 mái che, lợp tôn có giá trị còn lại 455.600đồng, 01 đường bê tông có mương nước giá trị còn lại 1.363.548 đồng không phân chia di sản thừa kế;

- Công nhận 70m^2 đất và 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 36m^2, mái lợp tôn, xà gồ gỗ, tường xây gạch trét sơn, cửa sổ bằng gỗ di thừa kế của Bà Trần Thị L (đã chết) trị giá đất 357.051.912đồng và 01 căn nhà trên đất, sân xi măng, tường rào tổng trị giá 47.913.180 đồng và phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà Trần Thị H (chị gái) là hàng thừa kế thứ hai duy nhất còn sống được hưởng toàn bộ di sản.

- Di sản thừa kế còn lại của ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị N , với diện tích 634,2m^2, trị giá 3.234.889.058 đồng chia cho 05 người con là hàng thừa kế thứ nhất của gồm bà Trần Thị C ; Ông Trần Văn L; Bà Trần Thị Đ; Bà Trần Thị H ; Bà Trần Thị L , mỗi hàng thừa kế được hưởng số tiền 646.977.811 đồng.

+ Hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị C (sinh năm: 1919, mất năm: 2016) và ông Hoàng Văn L (sinh năm: 1915, chết năm: 2000) có 06 người con chung ông Hoàng Văn T ; ông Hoàng Văn R ; ông Hoàng Văn H ; bà Hoàng Thị K ; ông Hoàng Văn M ; ông Hoàng Văn S, mỗi người được chia số tiền: 646.977.811 đồng: 6 = 107.829. 635 đồng.

+ Hàng thừa kế của ông Trần Văn L (sinh năm: 1928, mất năm: 2005), có vợ là bà Nguyễn Thị G , sinh năm 1933 và 6 người con chung là: ông Trần Văn B ; Ông Trần Văn T ; ông Trần Văn P ; ông Trần Xuân T; bà Trần Thị H ; ông Trần Văn Ân (chết năm 2005) có vợ là Trần Thị Y và con là Trần Ngọc Hương Q , sinh năm 1998. Như vậy hàng thừa kế của ông Trần Văn L có 07 người, mỗi người được chia số tiền: 646.977.811 đồng: 7= 92.425.401 đồng

+ Hàng thừa kế của Bà Trần Thị Đ (sinh năm: 1930, mất năm: 2021) có chồng là ông Trần Văn N và có 8 người con chung là: Ông Trần Quang V ; ông Trần Quang M ; ông Trần Quang C ; Ông Trần Quang P ; Bà Trần Thị P ; Bà Trần Thị M ; Bà Trần Thị Gi ; Bà Trần Thị X . Như vậy hàng thừa kế của ông Bà Đ có 09 người, mỗi người được chia: 646.977.811 đồng: 9 = 71.886. 423 đồng.

+ Bà Trần Thị H được chia: 646.977.811 đồng.

+ Bà Trần Thị L sinh năm: 1944 - chết năm 2022 được chia số tiền 646.977.734 đồng, Bà Trần Thị L không có chồng con nên Bà Trần Thị H (chị gái) là hàng thừa kế thứ hai duy nhất còn sống của Bà Trần Thị L được hưởng số tiền 646.977.734 đồng. Như vậy tổng giá trị di sản bà H được nhận là 1.293.955.623 đồng.

- Chấp nhận Bà Trần Thị H tặng cho ông Trần Văn B 70m^2 đất và 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 36m^2, mái lợp tôn, xà gồ gỗ, tường xây gạch trét sơn, cửa sổ bằng gỗ di thừa kế của Bà Trần Thị L (đã chết) trị đất 357.051.772 đồng và trị giá nhà, sân xi măng, tường rào tổng trị giá 47.913.180 đồng.

- Chấp nhận phần di sản của ông Hoàng Văn S được nhận từ bà Trần Thị C với số tiền 107.829.635 đồng chia cho các hàng thừa kế của gia đình Bà C bao gồm 05 người: Ông Hoàng Văn T ; Ông Hoàng Văn R ; Ông Hoàng Văn H ; Bà Hoàng Thị K và ông Hoàng Văn M , mỗi người được chia số tiền 21.565.927 đồng. Như vậy, ông Hoàng Văn T ; Ông Hoàng Văn R ; Ông Hoàng Văn H ; bà Hoàng Thị K ; Ông

Hoàng Văn M , mỗi người được chia tổng cộng số tiền: 129.395.562 đồng.

- Chấp nhận phần di sản của ông Trần Quang M và ông Trần Quang V được nhận từ Bà Trần Thị Đ tổng cộng số tiền 143.772.846 đồng chia cho các hàng thừa kế trong gia đình của Bà Trần Thị Đ gồm 7 người: Ông Trần Văn N ; Ông Trần Quang C ; Ông Trần Quang P ; Bà Trần Thị P ; Bà Trần Thị M ; Bà Trần Thị Gi ; Bà Trần Thị X , mỗi người hưởng số tiền 20.538.978 đồng. Như vậy ông Trần Văn N ; Ông Trần Quang C ; Ông Trần Quang P ; Bà Trần Thị P ; Bà Trần Thị M ; Bà Trần Thị Gi và Bà Trần Thị X , mỗi người được chia tổng cộng số tiền là 92.425.401 đồng.

Phân chia như sau:

+ Giao cho Bà Trần Thị H có quyền quản lý, sử dụng diện tích 306.1m^2, trong đó có 150m^2 thổ cư, giá trị thửa đất: 1.561.336.393 đồng, tổng giá trị di sản thừa kế bà H được hưởng là 1.293.955.623 đồng. Tứ cận thửa đất như sau: Phía đông: Giáp thửa 44, tờ bản đồ 12; Phía tây: Giáp thửa đất của ông Q , bà H ; Phía Nam: Giáp thửa đất 44, tờ bản đồ 12 và thửa đất của bà La; Phía Bắc: Giáp đường hẻm Hồ Tùng Mậu (kèm theo trích đo hiện trạng thửa đất).

Bà Trần Thị H phải trả lại cho hàng thừa kế khác số tiền 267.380.770 đồng, như sau: Trả cho Bà Trần Thị Gi số tiền 92.425.401 đồng; Trả cho ông Hoàng Văn R số tiền 129.395.562 đồng; Trả cho Bà Trần Thị P 45.559.806 đồng.

+ Giao cho ông Trần Văn B có quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 478.1m^2, có 150m^2 thổ cư. Trong đó 328,1m^2 là di sản thừa kế của ông Đ , bà N có trị giá 1.673.552.665 đồng; 70m^2 đất trị giá 357.051.772 đồng cùng 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 36m^2, mái lợp tôn, xà gồ gỗ, tường xây gạch trét sơn, cửa sổ bằng, 01 sân xi măng diện tích 73,3m^2, tường rào xây gạch gỗ, tổng trị giá tài sản trên đất 47.913.180 đồng (là di sản thừa kế của Bà Trần Thị L do bà H tặng cho ông Bộ) và 80m^2 đất cùng 01 căn nhà trên đất diện tích 110,3m^2 nhà có gác lửng, mái lợp tôn xà gồ gỗ, trần tôn lạnh, tường xây gạch, trát sơn, nền lát gạch ceramic, móng xây đá hộc, cửa gỗ sắt kính có giá trị còn lại 126.536.000đồng; 01 mái che, lợp tôn có giá trị còn lại 455.600đồng, 01 đường bê tông có mương nước giá trị còn lại 1.363.548 đồng (không phân chia di sản thừa kế). Tứ cận thửa đất: Phía đông: Giáp thửa đất ông H , ông C ; Phía tây: Giáp thửa 44, tờ bản đồ 12; Phía nam: Giáp thửa đất ông Trần Văn N ; Phía bắc: Giáp đường hẻm Hồ Tùng Mậu.(kèm theo trích đo hiện trạng thửa đất).

Tổng cộng giá trị tài di sản ông Trần Văn B được hưởng từ phần di sản của ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị Nhĩ 776.373.374 đồng. Ông Trần Văn B còn phải trả lại cho các hàng thừa kế khác số tiền: 897.179.290 đồng, bao gồm:

Trả cho ông Hoàng Văn M , bà Hoàng Thị K và ông Hoàng Văn H mỗi người số tiền 129.395.562 đồng; Trả cho chị Trần Ngọc Hương Q và bà Trần Thị Y mỗi người số tiền: 46.212.700 đồng (phần di sản của ông Trần Văn Â 92.425.401 đồng); Trả cho ông Trần Quang C ; Ông Trần Quang P ; Bà Trần Thị X và Bà Trần Thị M mỗi người số tiền 92.425.401 đồng; Trả cho Bà Trần Thị P số tiền 46.865.595 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên mình theo nội dung bản án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Trần Văn B về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối số BT942049,thửa đất 44, tờ 12 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 06/5/2014 cho Bà Trần Thị L đại diện đứng tên cho các hàng thừa kế.

3. Về án phí: Bà Trần Thị H , ông Trần Văn B , ông Hoàng Văn H , ông Hoàng Văn R , ông Hoàng Văn M , Bà Trần Thị P và Bà Trần Thị M , là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Bà Hoàng Thị K phải chịu số tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 6.469.778 đồng.

Chị Trần Ngọc Hương Q và bà Trần Thị Y mỗi người phải chịu số tiền: án phí dân sự sơ thẩm là 2.310.635 đồng.

Ông Trần Quang C , Ông Trần Quang P , Bà Trần Thị X , Bà Trần Thị Gi , mỗi người số tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 4.621.270 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Tổng cộng số tiền số tiền 7.230.000đồng (bao gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000đồng; chi phí đo đạc bằng máy với số tiền: 3.230.000đồng và định giá tài sản với số tiền 2.000.000đồng) nguyên đơn Bà Trần Thị H tự nguyện chịu (đã nộp và chi phí xong)

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản bán được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Mai